

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2897 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 – 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *all*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ (để thực hiện);
- Các Sở GDĐT (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, HSSV.



Nguyễn Thị Quyên Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi là Chương trình), Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trong ngành Giáo dục như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 1415/QĐ-TTg; cụ thể hóa thành nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ và trách nhiệm của từng đơn vị thuộc Bộ, các sở giáo dục và đào tạo và cơ sở giáo dục.

b) Tăng cường phòng ngừa, phát hiện sớm, hỗ trợ ban đầu, chuyển gửi và phối hợp bảo vệ trẻ em trong cơ sở giáo dục; phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phòng ngừa, giảm thiểu học sinh tham gia lao động trái quy định của pháp luật hoặc có nguy cơ trở thành lao động trẻ em.

c) củng cố cơ chế phối hợp giữa ngành Giáo dục với cơ quan y tế, công an, tư pháp, cơ quan bảo vệ trẻ em, các tổ chức liên quan và gia đình trong tiếp nhận thông tin, đánh giá nguy cơ, chuyển gửi, hỗ trợ và theo dõi trẻ em cần được bảo vệ.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm khả thi, phù hợp thực tiễn, đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; thực hiện theo tinh thần “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”.

b) Bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kịp thời; tăng cường phối hợp liên ngành và lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết đối với cơ sở giáo dục.

c) Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện; chú trọng phòng ngừa, bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ em, bảo mật thông tin và dữ liệu cá nhân của trẻ em theo quy định của pháp luật.

d) Việc kiểm tra, đánh giá tập trung vào kết quả và chuyển biến thực chất tại cơ sở giáo dục; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

a) 100% học sinh được hướng dẫn kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ trước hành vi xâm hại, bạo lực học đường, bạo lực trên môi trường mạng và kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em với nội dung phù hợp lứa tuổi.

b) 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người làm công tác có trách nhiệm bảo vệ trẻ em trong cơ sở giáo dục được nâng cao năng lực phù hợp vị trí việc làm về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại, bạo lực và lao động trẻ em.

c) Các cơ sở giáo dục thực hiện cơ chế phát hiện sớm, tiếp nhận thông tin, hỗ trợ ban đầu và chuyển gửi; các trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi được phát hiện trong cơ sở giáo dục được phối hợp hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định.

d) Việc thu thập, cập nhật, chia sẻ dữ liệu phục vụ bảo vệ trẻ em trong ngành Giáo dục được thực hiện trên cơ sở hệ thống hiện có, theo đúng thẩm quyền, bảo đảm tối thiểu hóa dữ liệu, an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hướng dẫn về bảo vệ trẻ em trong ngành Giáo dục

a) Rà soát việc thực hiện các quy định có liên quan đến quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tư vấn học đường, công tác xã hội trong trường học; tổng hợp khó khăn, khoảng trống và đề xuất sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

b) Phối hợp Bộ Y tế và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; sau khi cơ chế liên ngành được cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn đầu mối và phương thức phối hợp trong cơ sở giáo dục khi cần thiết, không hình thành quy trình riêng trùng lặp.

c) Rà soát, cập nhật hướng dẫn nhận diện dấu hiệu nguy cơ, tiếp nhận thông tin, hỗ trợ ban đầu, bảo vệ khẩn cấp trong phạm vi trách nhiệm của cơ sở giáo dục, chuyển gửi và phối hợp theo dõi đối với người học là trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bóc lột hoặc có nguy cơ trở thành lao động trẻ em.

2. Đổi mới truyền thông, giáo dục pháp luật và nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em

a) Tổ chức truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em và trách nhiệm bảo vệ trẻ em; ưu tiên nội dung phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

b) Rà soát, lựa chọn, cập nhật và sử dụng hiệu quả chương trình, tài liệu, học liệu và sản phẩm truyền thông hiện có; chỉ xây dựng mới khi xác định rõ khoảng trống và nhu cầu thực tế, phù hợp với từng cấp học và nhóm đối tượng; tăng cường học liệu số, tình huống thực hành và thông tin về kênh tiếp nhận, hỗ trợ khi trẻ em gặp nguy cơ.

c) Lồng ghép bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người làm công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học theo vị trí việc làm; ưu tiên hình thức trực tuyến và chương trình bồi dưỡng hiện có về nhận diện, phòng ngừa, hỗ trợ ban đầu, chuyển gửi và phối hợp liên ngành trong bảo vệ trẻ em; chỉ tổ chức lớp riêng khi thực sự cần thiết.

d) Lồng ghép phù hợp nội dung quyền trẻ em, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng tìm kiếm trợ giúp, phòng ngừa bóc lột sức lao động trong hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học.

3. Tăng cường tư vấn, hỗ trợ và phối hợp với dịch vụ bảo vệ trẻ em

a) Lồng ghép tư vấn học đường, công tác xã hội trong trường học và phối hợp với gia đình, cơ quan y tế, công an, cơ quan bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, dịch vụ an sinh xã hội vào việc phát hiện sớm, hỗ trợ ban đầu, chuyển gửi và theo dõi theo nhu cầu từng trường hợp; không tạo văn bản hoặc chế độ báo cáo riêng.

b) Tham gia mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp, liên ngành khi cơ quan chủ trì Chương trình hoặc địa phương triển khai; cơ sở giáo dục thực hiện vai trò phát hiện, hỗ trợ ban đầu, cung cấp thông tin và kết nối, chuyển gửi theo quy định; không tổ chức hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em riêng trong ngành Giáo dục.

c) Tiếp tục triển khai các giải pháp xây dựng trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực; ưu tiên củng cố các mô hình đã được đánh giá hiệu quả, tránh phát sinh mô hình, bộ tiêu chí hoặc hồ sơ riêng khi không cần thiết.

4. Phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ, can thiệp đối với học sinh có nguy cơ trở thành lao động trẻ em

a) Xây dựng văn bản hướng dẫn quy trình và tổ chức thực hiện việc phát hiện dấu hiệu nguy cơ, trao đổi với gia đình, tư vấn, hỗ trợ ban đầu, chuyển gửi, duy trì việc học và kết nối giáo dục nghề nghiệp phù hợp đối với học sinh có nguy

cơ trở thành lao động trẻ em theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1415/QĐ-TTg; bảo đảm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong xác định trường hợp, hỗ trợ và can thiệp; tạo điều kiện để trẻ em tiếp tục học tập và tiếp cận giáo dục nghề nghiệp phù hợp.

b) Cơ sở giáo dục theo dõi tình hình chuyên cần, nguy cơ bỏ học và các dấu hiệu ảnh hưởng đến quyền học tập của người học; khi phát hiện dấu hiệu trẻ em có nguy cơ phải tham gia lao động không phù hợp với độ tuổi hoặc ảnh hưởng đến việc học, trao đổi với gia đình và phối hợp cơ quan có thẩm quyền để đánh giá, hỗ trợ theo quy định.

c) Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng và hỗ trợ tiếp cận giáo dục nghề nghiệp đối với người học phù hợp độ tuổi, nhu cầu và điều kiện, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Chủ động huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm quốc tế cho công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong lĩnh vực giáo dục theo quy định.

b) Phối hợp chuẩn hóa, cập nhật và kết nối dữ liệu cần thiết thuộc phạm vi quản lý của ngành Giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em và các hệ thống có liên quan theo quy định; ưu tiên khai thác, tích hợp hệ thống hiện có, không xây dựng cơ sở dữ liệu riêng nếu chưa xác định rõ căn cứ, nhu cầu và thẩm quyền; chỉ thu thập dữ liệu tối thiểu cần thiết và phân quyền truy cập phù hợp.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông, tập huấn, tiếp nhận phản ánh, tổng hợp báo cáo và hỗ trợ kết nối dịch vụ; ưu tiên tích hợp với nền tảng, hệ thống hiện có; không công khai thông tin có thể nhận diện trẻ em bị bạo lực, xâm hại hoặc thuộc nhóm cần bảo vệ.

6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo

a) Lòng ghép nội dung bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vào kế hoạch kiểm tra hiện hành theo thẩm quyền; tập trung đánh giá kết quả thực chất, chỉ kiểm tra riêng khi cần thiết.

b) Ưu tiên khai thác dữ liệu, kết quả khảo sát hiện có; chỉ phối hợp khảo sát bổ sung khi cơ quan chủ trì Chương trình yêu cầu, dữ liệu hiện có chưa đáp ứng và đã xác định rõ mục đích, phạm vi; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh giải pháp phòng ngừa, hỗ trợ.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; ưu tiên khai thác dữ liệu và lòng ghép với chế độ báo cáo hiện hành, không yêu cầu báo cáo riêng khi không

cần thiết; tổ chức sơ kết vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Học sinh, sinh viên

a) Là đơn vị đầu mối, tham mưu Lãnh đạo Bộ chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ chuyên môn về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong ngành Giáo dục.

b) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình; kịp thời tham mưu xử lý khó khăn, vướng mắc; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo yêu cầu của cơ quan đầu mối quốc gia và Lãnh đạo Bộ.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, chủ động lồng ghép nội dung thực hiện vào kế hoạch công tác hằng năm; chỉ xây dựng kế hoạch riêng khi thực sự cần thiết; lồng ghép nội dung kiểm tra vào kế hoạch kiểm tra hằng năm theo thẩm quyền; phối hợp với Vụ Học sinh, sinh viên bảo đảm tiến độ, chất lượng và kết quả đầu ra.

3. Sở giáo dục và đào tạo

a) Căn cứ Kế hoạch này và tình hình địa phương, ban hành hoặc lồng ghép nội dung thực hiện vào kế hoạch công tác phù hợp của địa phương; hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục thực hiện; bố trí đầu mối theo dõi, tổng hợp và phối hợp liên ngành.

b) Chỉ đạo cơ sở giáo dục thực hiện các giải pháp phòng ngừa, phát hiện sớm, hỗ trợ ban đầu, chuyển gửi, phối hợp theo dõi người học có nguy cơ; bảo đảm quy trình xử lý thông tin, bảo mật và an toàn cho trẻ em.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Học sinh, sinh viên) theo chế độ báo cáo hoặc khi có yêu cầu; không yêu cầu cơ sở giáo dục báo cáo lại thông tin đã có trên hệ thống hoặc trong chế độ báo cáo hiện hành.

4. Các cơ sở giáo dục

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo; phân công đầu mối trên cơ sở nhân sự hiện có, không làm phát sinh tổ chức hoặc vị trí việc làm mới; tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cơ quan chức năng; chủ động phát hiện, hỗ trợ ban đầu và chuyển gửi các trường hợp cần bảo vệ theo quy định; tuyệt đối không kỳ thị, làm lộ thông tin hoặc gây tổn hại thêm cho trẻ em.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định; lồng ghép với kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động từ nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Căn cứ nhiệm vụ được giao, các đơn vị, sở giáo dục và đào tạo lập dự toán hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, thẩm định và bố trí kinh phí theo quy định. Các nhiệm vụ được triển khai trong phạm vi dự toán được giao; ưu tiên sử dụng cơ sở vật chất, tài liệu, hệ thống thông tin và nguồn lực hiện có; hạn chế phát sinh nhiệm vụ chi và việc xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu, tài liệu, tổ chức hoạt động trùng lặp. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng định mức, công khai, tiết kiệm, hiệu quả và theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, các đơn vị phản ánh về Vụ Học sinh, sinh viên để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1415/QĐ-TTg NGÀY 28/7/2026
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRONG NGÀNH GIÁO DỤC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDDT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
I	Rà soát, hoàn thiện cơ chế và hướng dẫn về bảo vệ trẻ em				
1	Rà soát việc thực hiện quy định về quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực học đường và xâm hại trong cơ sở giáo dục; xác định vướng mắc và kiến nghị theo thẩm quyền.	Vụ Học sinh, sinh viên	Vụ Pháp chế; các đơn vị quản lý cấp học, trình độ đào tạo; các đơn vị liên quan	Báo cáo rà soát và kiến nghị	2026 – 2027
2	Phối hợp xây dựng, hoàn thiện cơ chế liên ngành về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; sau khi cơ chế liên ngành được ban hành, hướng dẫn đầu mối, phương thức phối hợp trong ngành Giáo dục khi cần thiết.	Vụ Học sinh, sinh viên	Vụ Pháp chế; Bộ Y tế; Bộ Công an; các đơn vị liên quan	Ý kiến góp ý cơ chế liên ngành; hướng dẫn triển khai trong ngành sau khi cơ chế được ban hành, nếu cần	Theo tiến độ cơ quan chủ trì
II	Truyền thông, giáo dục và nâng cao năng lực				
3	Lồng ghép truyền thông, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, phòng ngừa bạo lực, xâm hại và lao động trẻ em; lựa chọn, cập nhật học liệu hiện có; bồi dưỡng đội ngũ theo vị trí việc làm, chỉ xây dựng mới hoặc tổ chức riêng khi cần thiết.	Vụ Học sinh, sinh viên	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục; các đơn vị quản lý cấp học; sở giáo dục và đào tạo	Nội dung lồng ghép, học liệu sử dụng và kết quả bồi dưỡng trong báo cáo hiện hành	2026 – 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
III	Phát hiện sớm, hỗ trợ học sinh có nguy cơ trở thành lao động trẻ em				
4	Xây dựng văn bản hướng dẫn quy trình phát hiện, hỗ trợ ban đầu, phối hợp chuyển gửi học sinh có nguy cơ trở thành lao động trẻ em; lồng ghép theo dõi chuyên cần, duy trì việc học, tư vấn hướng nghiệp và kết nối giáo dục nghề nghiệp phù hợp; cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh giá, can thiệp theo quy định.	Vụ Học sinh, sinh viên	Vụ Giáo dục phổ thông; Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên; các đơn vị liên quan	Văn bản hướng dẫn quy trình; kết quả triển khai lồng ghép báo cáo hiện hành	Ban hành hướng dẫn năm 2026; triển khai đến 2030
IV	Dữ liệu, khảo sát và đánh giá				
5	Phối hợp chuẩn hóa, cập nhật, kết nối dữ liệu cần thiết thuộc phạm vi ngành Giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trên các hệ thống hiện có; bảo vệ dữ liệu cá nhân trẻ em, chỉ phát triển hệ thống mới khi đủ căn cứ và thẩm quyền.	Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin	Vụ Học sinh, sinh viên; các đơn vị liên quan	Phương án tích hợp, kết nối dữ liệu khi cần	2026 – 2030
6	Khai thác dữ liệu, kết quả khảo sát hiện có; chỉ phối hợp khảo sát bổ sung khi cơ quan chủ trì Chương trình yêu cầu, dữ liệu hiện có chưa đáp ứng và xác định rõ mục đích, phạm vi khảo sát, không thu thập lại thông tin đã có.	Viện Chiến lược và Chính sách Giáo dục	Vụ Học sinh, sinh viên; Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin	Dữ liệu, báo cáo đánh giá hoặc kết quả khảo sát bổ sung nếu phát sinh	Theo yêu cầu đánh giá Chương trình
V	Sơ kết và tổng kết				
7	Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, sơ kết và tổng kết để phục vụ đánh giá Chương trình quốc gia.	Vụ Học sinh, sinh viên	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; sở giáo dục và đào tạo	Báo cáo sơ kết; báo cáo tổng kết	2028; 2030